

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 487/2021/KDTM-PT  
Ngày: 20/5/2021  
V/v “tranh chấp hợp đồng tín  
dụng”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Tuyết Trinh

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Phong

Bà Phùng Thị Như Mai

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Bích Phượng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên  
tòa:** Ông Trần Anh Tuấn – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23/4/2021 và 20/5/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2019/TLPT-KDTM ngày 03/6/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án sơ thẩm số 13/2019/KDTM-ST ngày 27/3/2019 của Tòa án nhân dân Quận M2, Thành phố Hồ Chí Minh có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 504/2021/QĐ-PT ngày 04/3/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 3025/2021/QĐ-PT ngày 30/3/2021 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 4342/2021/QĐ-PT ngày 23/4/2021.

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV C. Trụ sở: 22 Đường V1, Phường T1, quận K1, Tp. Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền (UQ lại cho): ông L1 – Sinh năm: 1982. Địa chỉ 266-268 Đường N1, Phường T1, Quận B1, TP. Hồ Chí Minh. Giấy ủy quyền số 82/VAMC-UQ ngày 13/06/2016 (Có mặt).

2. Bị đơn: Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại DHC. Trụ sở: 200 Đường H1, Phường C1, Quận M2, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Ông L2 – Giám đốc. Địa chỉ 200 Đường H1, Phường C1, Quận M2, Tp. Hồ Chí Minh; (có đơn xin vắng mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1/ Ngân hàng TMCP SGTT. Trụ sở: 279 Đường K1, Phường M1, Quận M2, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo ủy quyền: Bà Q1 – Sinh 1979. Địa chỉ: 279 Đường K1, Phường M1, Quận M2, TP. Hồ Chí Minh. Giấy ủy quyền số 168/GUQ/CNNVT ngày 18/5/2018 (Có mặt).

3.2/ Ông L2 – Sinh năm: 1952

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đ1; Địa chỉ liên lạc: 12 Đường số 1, KDC CCH2, Phường B2, quận V1, Thành phố Hồ Chí Minh; Giấy ủy quyền chứng nhận tại Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại H2, T2, Hoa Kỳ số 514/2020/LSCN ngày 09/6/2020 (có đơn xin vắng mặt)

3.3/ Bà CBH – Sinh năm: 1958

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đ1; Địa chỉ liên lạc: 12 Đường số 1, KDC CCH2, Phường B2, quận V1, Thành phố Hồ Chí Minh; Giấy ủy quyền chứng nhận tại Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại H2, T2, Hoa Kỳ số 515/2020/LSCN ngày 09/6/2020 (có đơn xin vắng mặt)

3.4/ Ông LQD - Sinh năm: 1982 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: 200 Đường H1, Phường C1, Quận M2, Tp. Hồ Chí Minh.

3.5/ Ông NHH - Sinh năm: 1988 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: 200 Đường H1, Phường C1, Quận M2, Tp. Hồ Chí Minh.

3.6/ Bà TTL - Sinh năm: 1986 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ làm việc: 200 Đường H1, Phường C1, Quận M2, Tp. Hồ Chí Minh.

3.7/ Bà NTTTT – Sinh năm: 1987 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: 200 Đường H1, Phường C1, Quận M2, Tp. Hồ Chí Minh.

3.8/ Ông NHL (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: 200 Đường H1, Phường C1, Quận M2, Tp. Hồ Chí Minh.

3.9/ Ông ĐQT – Sinh năm: 1988 (*Vắng mặt*)

Tạm trú: 200 Đường H1, Phường C1, Quận M2, Tp. Hồ Chí Minh.

3.10/ Bà ĐTT – Sinh năm: 1986 (*Vắng mặt*)

Tạm trú: 200 Đường H1, Phường C1, Quận M2, Tp. Hồ Chí Minh.

3.11/ ĐBN – Sinh năm: 2014

3.12/ ĐQN – Sinh năm: 2013 (Có ông T3 và bà T4 là người đại diện hợp pháp cho hai trẻ Ngọc và Như) (*Vắng mặt*).

*4. Người kháng cáo:*

Bị đơn Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại DHC.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:**

- Nguyên đơn Công ty TNHH MTV C và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP SGTT, có người đại diện trình bày như sau:

Kể từ ngày 01/10/2015 Ngân hàng TMCP SGTT kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của nguyên đơn Ngân hàng TMCP PN tại Quyết định số 1844/QĐ-NHNN ngày 14/9/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sáp nhập. Nên Ngân hàng TMCP SGTT được xác định là nguyên đơn theo điểm c khoản 2 Điều 74 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kể từ ngày 14/12/2015, Công ty TNHH MTV C kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của nguyên đơn Ngân hàng TMCP SGTT tại Hợp đồng mua bán nợ số 23362/2015/MBN.VAMC2-SACOMBANK giữa hai bên theo điểm c khoản 2 Điều 74 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngân hàng TMCP SGTT đã được Công ty TNHH MTV C ủy quyền khởi kiện, tham gia tố tụng đòi nợ khách hàng và các bên liên quan tại điểm e khoản 1 Điều 1 của Hợp đồng ủy quyền số 23362/2015/UQ.VAMC2-SACOMBANK ngày 14/12/2015 (BL.356).

Theo Đơn khởi kiện ngày 17/9/2012, Văn bản thay đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 29/7/2014 của Ngân hàng TMCP PN, Đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung ngày 21/4/2017 của Ngân hàng TMCP SGTT. Theo đó:

Đề kinh doanh tại Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số 007/03/2011 ngày 29/3/2011, Ngân hàng TMCP PN (Có ông Phạm Trường Giang- Chức vụ: Phó GD theo giấy ủy quyền số 581/2010/GUQ-SGD ngày 30/11/2010- Bên cho vay, nhận thế chấp) và Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại C (Có ông Nguyễn Long Hưng . Chức vụ: Thành viên HĐQT, Phó GD theo Biên bản họp HĐQT ngày 08/3/2011- Bên vay, được bảo lãnh), với Ông L2 và Bà CBH đã ký kết hợp đồng nguyên tắc trên. Với nội dung cung cấp hạn mức tín dụng là 16.500.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng với chu kỳ mỗi 12 tháng. Trên cơ sở hợp đồng nguyên tắc trên, cùng ngày 29/3/2011 các bên đã ký kết và thực hiện các Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, như sau:

1/ Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể số 007/03/2011-01 (Số mới: LD1635800686) TK số : 16077328 ngày 29/3/2011, nội dung:

Số tiền vay và giải ngân 16.500.000.000 đồng vào ngày 29/3/2011 (Sao kê Tài khoản số: 16077328 của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại C);

Thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày 29/03/2011 đến ngày 29/03/2012. Nợ gốc trả vào ngày đáo hạn hợp đồng là ngày 29/3/2012. Tiền lãi trả hàng tháng/quý, ngày bắt đầu trả lãi là ngày 29/4/2011;

Lãi suất: Từ ngày 29/3/2011 đến ngày 04/5/2011 là 20.4%/năm (1,7%/tháng), từ ngày 05/5/2011 đến ngày 04/8/2011 là 21.6%/năm, từ ngày 05/8/2011 đến ngày 28/3/2012 là 22.8%/năm, từ ngày 29/3/2012 chuyển sang nợ quá hạn lãi suất 150% lãi suất trong hạn. (Điều 4 của hợp đồng: theo khung lãi suất cho vay của NHPN tại từng thời điểm);

Số tiền phạt =  $\frac{\text{số tiền lãi chậm trả} \times 150\% \text{ lãi suất vay trong hạn} \times \text{số ngày chậm trả}}{30 \text{ ngày}}$

Quá trình trả nợ: ngày 30/5/2011 trả nợ gốc 1.000.000.000 đồng. Còn nợ gốc 15.500.000.000 đồng. Đã thanh toán tiền lãi 2.136.394.180 đồng (Trong đó lãi trong hạn là 2.053.629.940 đồng, lãi quá hạn 85.427.513 đồng).

(Thông báo về việc điều chỉnh lãi xuất cho vay ngày 26/4/2011 và ngày 02/8/2011; Quyết định V/v áp dụng lãi suất cho vay trong toàn hệ thống Ngân hàng TMCP PN số 187A/2010/QĐ-HĐQT ngày 14/4/2010; Báo cáo về cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận )

2/ Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể số 007/03/2011-02 (Số mới: LD1635800687) TK SỐ: 17026078 ngày 31/5/2011:

Số tiền vay, giải ngân, và dư nợ gốc: 1.000.000.000 đồng (giải ngân 500.000.000 đồng ngày 31/5/2011, 500.000.000 đồng ngày 09/6/2011).

Thời hạn vay từ ngày 31/05/2011 đến ngày 29/03/2012. Nợ gốc trả vào ngày đáo hạn hợp đồng là ngày 29/3/2012. Tiền lãi trả hàng tháng/quý, ngày bắt đầu trả lãi là ngày 29/6/2011.

Lãi suất: từ ngày 31/5/2011 đến ngày 28/3/2012 là 22.8%/năm. Lãi suất vay từ ngày 29/3/2012 đến ngày 27/3/2019 là 150% lãi suất trong hạn

3/ Hợp đồng thế chấp số công chứng 012467, quyền số 07 ngày 29/03/2011 tại Phòng Công chứng số KB, TP. Hồ Chí Minh, đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 29/3/2011 tại Văn Phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận M1, Tp. Hồ Chí Minh, đối với:

Tài sản gắn liền với đất là : Nhà ở số 200 Đường H1, Phường C1, Quận M2, Tp. Hồ Chí Minh (Thuộc Thửa đất số: 160+1phần 130, Tờ bản đồ số 8, diện tích: 244,2 m<sup>2</sup>; mục đích sử dụng: đất làm nhà ở) theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, số hồ sơ gốc: 0617/2008/UB.GCN ngày 20/02/2008 do UBND Quận M1, Tp. Hồ Chí Minh cấp cho ông L1 và bà CBH; Thông báo lệ phí trước bạ ngày 22/02/2008; Thông báo nộp tiền sử dụng đất ngày 22/02/2008).

Quá trình vay Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại DHC không trả được nợ.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ, như sau: Theo bảng kê tính lãi, nợ tính đến ngày 27/3/2019, như sau:

Nợ gốc 16.500.000.000 đồng;

Nợ lãi 45.127.398.707 đồng (Trong đó, lãi trong hạn 28.116.070.060 đồng; lãi quá hạn 17.011.328.647 đồng, cụ thể:

Hợp đồng tín dụng số 007/03/2011-01 ngày 29/3/2011: Nợ gốc 15.500.000.000 đồng; lãi trong hạn 26.502.336.727 đồng, lãi quá hạn 16.204.461.980 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 007/03/2011-02 ngày 31/5/2011: Nợ gốc 1.000.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn 1.613.733.333 đồng, lãi quá hạn 806.866.667 đồng.

Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính kể ngày 28/3/2019 cho đến khi dứt nợ, theo mức lãi suất nợ quá hạn tại Hợp đồng tín dụng số 007/03/2011-01 ngày 29/3/2011 và Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể số 007/03/2011-02 ngày 31/5/2011.

Trường hợp Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại DHC không trả hết nợ, nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp Nhà ở số 200 Đường H1, Phường C1, Quận M2, Tp. Hồ Chí Minh của Ông L2 và Bà CBH để thu hồi nợ.

Nếu tài sản bảo đảm thanh toán không đủ toàn bộ số nợ vay thì Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại DHC có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu.

*Bị đơn Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại DHC có đại diện Ông Đ1 trình bày (tại bản khai ngày 17/5/2013):*

Bị đơn xác nhận, để kinh doanh bị đơn đã vay tiền của Ngân hàng TMCP PN (Ký theo hợp đồng nguyên tắc số 007/03/2011-01 ngày 29/3/2011 (2010), như nguyên đơn trình bày, gồm:

1/ Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể số 007/03/2011-01 (Số mới: LD1635800686) TK Số: 16077328 ngày 29/3/2011:

Số tiền vay và giải ngân 16.500.000.000 đồng, đã trả gốc 1.000.000.000 đồng vào ngày 30/5/2011. Dư nợ gốc 15.500.000.000 đồng.

Đã trả tiền lãi 2.136.394.180 đồng (Gồm lãi trong hạn 2.053.629.940 đồng, lãi quá hạn 85.427.513 đồng). Lãi suất trong hạn là 20.4%/năm (1,7%/tháng), tuy nhiên được nguyên đơn đơn phương điều chỉnh, và chỉ cần thông báo cho bị đơn.

2/ Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể số 007/03/2011-02 (Số mới: LD1635800687) TK Số: 17026078 ngày 31/5/2011:

Số tiền vay, giải ngân, và dư nợ gốc: 1.000.000.000 đồng (giải ngân 500.000.000 đồng ngày 31/5/2011, 500.000.000 đồng ngày 09/6/2011). (Sao kê Tài khoản số: 17026078 của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại C). Thời hạn vay từ ngày 31/05/2011 đến ngày 29/03/2012.

Lãi suất: từ ngày 31/5/2011 đến ngày 28/3/2012 là 22.8%/năm. Lãi suất vay từ ngày 29/3/2012 đến ngày 27/3/2019 là 150% lãi suất trong hạn.

3/ Hợp đồng thế chấp số công chứng 012467, quyền số 07 ngày 29/03/2011, nội dung:

4/ Tài sản thế chấp là: Nhà ở số 200 Đường H1, Phường C1, Quận M2, Tp. Hồ Chí Minh (Thuộc Thửa đất số: 160+1phần 130, Tờ bản đồ số 8, diện tích: 244,2 m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, số hồ sơ gốc: 0617/2008/UB.GCN ngày 20/02/2008 do UBND Quận M1, Tp. Hồ Chí Minh cấp cho Ông L2 và Bà CBH.

Do hoạt động kinh doanh gặp khó khăn, bị đơn không thể tiếp tục trả tiền lãi và gốc. Đề nghị xem xét cho bị đơn trả nợ vốn; tiền lãi chỉ tính lãi trong hạn trên số dư nợ gốc để có điều kiện trả được nợ để giữ lại căn nhà, vì gia đình ông L1 và bà CBH không còn chỗ ở khác.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

1/ Ông L2 và Bà CBH vắng mặt. (Kết quả xác minh của Phòng Quản lý Xuất nhập Cảnh công an thành Phố Hồ Chí Minh ngày 24/6/2015: “Ông bà đã xuất cảnh vào ngày 14/01/2015”)

2/ Ông LQD, Ông NHH, ông Bà TTL, Bà NTTT, ông Ông NHL vắng mặt. Kết quả xác minh của công an Phường C1 Quận M2, thành phố Hồ Chí Minh: “Tất cả đang trốn mặt bằng và kinh doanh tại số nhà 200 Đường H1, Phường C1, Quận M2, thành phố Hồ Chí Minh nhưng không cư trú”.

3/ Ông ĐQT, Bà ĐTT, ĐBN, ĐQN (Con của ông T3 và bà T4, ông T3 và bà T4 là đại diện hợp pháp cho hai trẻ) vắng mặt. Kết quả xác minh ngày 02/4/2018 của công an Phường C1 Quận M2, thành phố Hồ Chí Minh: “Tất cả thực tế đang cư ngụ tại 200 Đường H1, Phường C1, Quận M2, thành phố Hồ Chí Minh”.

*Bản án sơ thẩm số 13/2019/KDTM-ST ngày 27/3/2019 của Tòa án nhân dân Quận M2, Thành phố Hồ Chí Minh. Quyết định:*

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên C.

1/ Bị đơn Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại C có trách nhiệm trả nợ cho Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên C, gồm: nợ vốn 16.500.000.000 (mười sáu tỷ năm trăm triệu) đồng; nợ lãi 45.247.046.393 (bốn mươi lăm tỷ hai trăm bốn mươi bảy triệu không trăm bốn mươi sáu ngàn ba trăm chín mươi ba) đồng. Tổng cộng là 61.747.046.393 (sáu mươi một tỷ bảy trăm bốn mươi bảy triệu không trăm bốn mươi sáu ngàn ba trăm chín mươi) đồng.

Công ty Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại C còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc từ ngày 28/3/2019 theo mức lãi quá hạn trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong số nợ nêu trên.

Trường hợp bị đơn trả hết nợ, thì Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên C có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ bản chính giấy tờ tài sản cho ông L1 và bà CBH.

Nếu bị đơn không thanh toán xong nợ, thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là Thửa đất số: 160+1 phần 130, Tờ bản đồ số 8, diện tích: 244,2 m<sup>2</sup>; mục đích sử dụng: đất làm nhà ở. Tài sản gắn liền với đất là Nhà ở tại số 200 Đường H1, Phường C1, Quận M2, Tp. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, số hồ sơ gốc: 0617/2008/UB.GCN do UBND Quận M1, Tp. Hồ chí Minh, cấp ngày 20/02/2008 cho Ông L2 và Bà CBH để thu hồi nợ.

Trường hợp tài sản thế chấp không đủ để thu hồi nợ, thì bị đơn phải tiếp tục trả nợ cho đến khi hết số tiền nợ cho nguyên đơn.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, lãi suất thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/4/2019, Ông Đ1 là người đại diện Theo Giấy ủy quyền ngày 07/01/2015 của Bị đơn Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Lý do: -Phán quyết không phù hợp tình tiết khách quan của vụ án; - Vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

#### ***Tại phiên tòa phúc thẩm:***

Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm

Đại diện theo pháp luật của bị đơn : có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông L1 và bà CBH do Ông Đ1 là đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến :

Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn, đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp Hợp đồng tín dụng, trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông L1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà CBH đã xuất cảnh sang Mỹ, tuy nhiên Tòa án nhân dân Quận M2 vẫn niêm yết các quyết định tại địa chỉ 200 Đường H1 là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng

Do vụ việc có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Do đó Tòa án nhân dân Quận M2 thụ lý giải quyết là sai thẩm quyền.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận M2, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo thẩm quyền.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**Về tố tụng:**

[1] Về thời hạn kháng cáo, kháng nghị: bản án sơ thẩm tuyên ngày 17/3/2019, ngày 22/4/2019 người đại diện theo ủy quyền bị đơn là Ông Đ1 có đơn kháng cáo. Nên xét thấy bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định.

[2] Xét về nội dung kháng cáo: Bị đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm. do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Xét thấy :

Nguyên đơn khởi kiện ngày 17/9/2012 yêu cầu bị đơn trả nợ vốn 16.500.000.000 đồng và nợ lãi 45.247.046.393 đồng (tạm tính đến ngày 27/3/2019). Tổng cộng 61.747.046.393 đồng phát sinh từ 02 hợp đồng tín dụng số 007/03/2011-01 ngày 29/3/2011 và số 007/03/2011-02 ngày 31/5/2011. Phát mãi tài sản thế chấp là: Nhà và đất ở số 200 Đường H1, Phường C1, Quận M2, Tp. Hồ Chí Minh (Thửa số: 160+1phần 130, Tờ bản đồ số 8, diện tích 244,2 m<sup>2</sup>) theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 0617/2008/UB.GCN ngày 20/02/2008 do Ủy ban nhân dân Quận M1, TP. Hồ Chí Minh cấp cho Ông L2 và Bà CBH.

Bản án sơ thẩm số 13/2019/KDTM-ST ngày 27/3/2019 của TAND Quận M2, TP. Hồ Chí Minh (xét xử vắng mặt bị đơn và toàn bộ người liên quan). Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Nội dung và nhận định của bản án, theo đó: Ông L1 và bà CBH đã xuất cảnh vào ngày 14/01/2015. Ông bà vắng mặt không ghi được lời khai, việc tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai và xét xử vắng mặt.

Việc tổng đạt cho ông L1 và bà CBH [xuyên suốt từ khi thụ lý vụ án (năm 2012) đến khi xét xử] đều được niêm yết tại địa chỉ 200 Đường H1, Phường C1, Quận M2 là không đúng. Bởi lẽ: xác minh của Công an Phường C1 Quận M2 ngày 02/6/2015, kết quả: ông L1, bà CBH có đăng ký hộ khẩu nhưng không cư trú đi đâu không rõ; Xác minh xuất nhập cảnh ngày 24/6/2015 và ngày 16/5/2017, kết quả: Ông

L2 và Bà CBH đã XNC 9 lần, cùng xuất cảnh lần gần nhất ngày 14/01/2015 qua cửa khẩu SBQT Tân Sơn Nhất. Hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Phiên tòa ngày 28/12/2016, Tòa án nhân dân Quận M2 đã tạm ngừng để bị đơn cung cấp địa chỉ ông L1- bà CBH trong thời hạn 15 ngày, biên bản làm việc ngày 20/02/2017 (với ông Đôn) thể hiện bị đơn đã có thêm 07 ngày cung cấp được tài liệu cư trú của ông L1- bà CBH nhưng không hợp lệ do không hợp pháp hóa lãnh sự.

Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm: Người đại diện bị đơn (ông Đôn) đã nộp văn bản Thông báo ngày 30/8/2019 của Ông L2 và Bà CBH cung cấp địa chỉ 11420 Dairy Ashford Rd#100, Sugar Land, TX 77478-USA. Văn bản có chứng thực hợp pháp hóa lãnh sự số 994/2019/LSCN cùng ngày 30/8/2019 tại Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại H2, T2, Hoa Kỳ.

Bản kiến nghị ngày 07/8/2018 của Ông Đ1 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, theo đó cung cấp địa chỉ của Nguyễn Văn Long- Bà CBH cùng cư trú tại 11420 Dairy Ashford Rd#100, Sugar Land, TX 77478-USA và yêu cầu triệu tập thông qua ủy thác.

Do vậy phiên tòa vào các ngày theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXX-ST ngày 24/01/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 13/2019/QĐST-KDTM ngày 21/02/2019 và bản án sơ thẩm phải được thông báo (tổng đạt) cho ông L1 và bà CBH theo địa chỉ ở nước ngoài.

Tòa án nhân dân Quận M2 thực hiện tổng đạt (niêm yết) cho Ông L2- Bà CBH toàn bộ các lần đều tại địa chỉ 200 Đường H1 nhưng thực tế không có đương sự. Nên ông L1 và bà CBH được xem là chưa được tổng đạt hợp lệ tham gia phiên tòa, cũng như chưa được tổng đạt hợp lệ bản án.

Việc chậm trễ cung cấp địa chỉ ở nước ngoài của ông L1 và bà CBH do lỗi của đương sự (bị đơn) (và ông Nguyễn Long Hưng là người trong gia đình có hộ khẩu tại 200 Đường H1 đã có văn bản thông báo ông L1 và bà CBH định cư tại Mỹ nhưng không cung cấp địa chỉ rõ ràng làm vụ án bị kéo dài nhiều năm (Thụ lý 2012).

Nên hủy bản án sơ thẩm do vi phạm tố tụng (Do Ông L2- Bà CBH không được tổng đạt hợp lệ).

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ phù hợp pháp luật nên chấp nhận toàn bộ như đã nêu trên.

Do hủy bản án sơ thẩm nên bị đơn kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm và được hoàn trả toàn bộ tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì lẽ trên,*

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

**Tuyên xử :**



1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại C. Hủy Bản án sơ thẩm số 13/2019/KDTM-ST ngày 27/3/2019 của Tòa án nhân dân Quận M2, Thành phố Hồ Chí Minh. Giữ lại hồ sơ để Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết theo trình tự sơ thẩm.

## 2. Về án phí

2.1 Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm : sẽ được xem xét giải quyết khi giải quyết lại vụ án.

2.2 Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm : bị đơn Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại C không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho bị đơn là Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại C theo Biên lai thu tiền số AA/2018/0017236 ngày 22/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận M2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Việc thi hành án được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Bản án này có hiệu lực pháp luật ngay.

### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THA DS TPHCM;
- Chi cục THA DS Quận M2;
- TAND Quận M2;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Tuyết Trinh**